TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 29- 3- 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nụ

Bà Triệu Thị Múi

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trịnh Văn San - Thư ký Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà**:* Ông Bế Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST- HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 3 năm 1993 tại huyện BM, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: thôn BT, xã YP, huyện BM, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thành và bà Nông Thị Điêm; vợ: Lý Thị Trọng, con: 02, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: 01, Bản án số 89/2021/HSST ngày 28/4/2021, Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã kết án bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, xử phạt 15 tháng tù; Tiền sự: 01, ngày 28/8/2023, bị Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính số 67/QĐ-XPHC, phạt 2.000.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 29/6/2023 tại xóm Lạng Cá, thị trấn Pác Miầu, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; hiện nay bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án hình sự Buôn bán hàng cấm từ ngày 25/12/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Sầm Thị B, sinh ngày 27/6/1972; Nơi cư trú: xóm NSNP, xã TH,

huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Đặng Văn Đ, sinh ngày 17/6/1972; Nơi cư trú: thôn NN, xã ĐÂ, huyện BM, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch (cho bị hại):* Ban Văn Ỏn; Nơi cư trú: xóm NSNP, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Đặng Văn N, sinh ngày 20/12/2000; Nơi cư trú: thôn NN, xã ĐÂ, huyện BM, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

+ Đặng Văn K, sinh năm 1987; Nơi cư trú: thôn NN, xã ĐÂ, huyện BM, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

+ Hoàng Văn Yên, sinh ngày 20/11/1986; Nơi cư trú: xóm NSNP, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 22 tháng 09 năm 2023, Đặng Văn N điều khiển xe máy mang biển kiểm soát 23D1 – xxx chở theo Đặng Văn K đi sang xã TH, huyện BL, Cao Bằng để mua ma túy về sử dụng. N và K góp với nhau mỗi người 50.000 đồng và mua ma túy với một người không quen biết ở dọc đường liên xã TH, cả hai cùng nhau sử dụng bằng hình thức chích. Sau đó, N và K ở lại xã TH chơi.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T, trú tại: thôn BT, xã YP, huyện BM, tỉnh Hà Giang điều khiển xe máy biển kiểm soát 23K1- xxx đi từ nhà đến xóm KN, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đi đến đoạn đường thuộc xóm NSNP, xã TH thì gặp Đặng Văn K và Đặng Văn N. T nói chuyện với K thì biết cả ba đều đang có nhu cầu sử dụng ma túy nhưng không có tiền. Lúc này, T nói với K là để T đi mượn tiền của người quen về mua ma túy rồi cùng nhau sử dụng, N và K đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe máy đi đến nhà Đặng Văn H để mượn số tiền 200.000 đồng, N và K điều khiển xe máy đi theo sau. Khi đến nhà H thì T đi vào nhà để hỏi mượn tiền, để H tin tưởng, T đã để lại chiếc xe tại nhà H. T nhận tiền với H 200.000 đồng và đi ra ngoài, N và K chở T đi mua ma túy với một người không quen biết ở dọc đường liên xóm KN, xã TH. Sau khi mua được ma túy, T, K, N sử dụng hết bằng hình thức chích. Do xe của T đi đã để lại nhà của H, vì vậy, T nhờ K và N đưa T về nhà.

Đến khoảng 18 giờ khi N, K đưa T về đến đoạn đường thuộc xóm NSNP, xã TH thì N điều khiển xe đi xuống dưới đường (cách đường liên xã khoảng

20m) hướng xuống suối và dừng lại. K và N rủ T đi trộm cắp tài sản để mang đi bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng, T không đồng ý đi cùng, vì vậy, K bảo T ở lại vị trí để xe máy nếu có người đến thì thông báo cho K và N biết, T đồng ý. Sau đó, N và K đi bộ men theo bờ suối khoảng 200m thì nhìn thấy 01 lán nhỏ, cả hai đi đến kiểm tra. N và K phát hiện trong lán không có người, thấy một máy cày của bà Sầm Thị B. Cả hai quan sát thấy ốc vặn đầu máy cày bị lỏng nên cùng nhau dùng tay để vặn ốc gắn đầu máy cày ra và cùng nhau khiêng đầu máy cày đi sang suối để đưa lên đường liên xã nhằm tìm nơi tiêu thụ. Khi gần lên đến đường liên xã thì N và K đặt chiếc đầu máy cày xuống đất, K bước bộ đi lên đường về vị trí để xe máy. Lúc này, T chờ được khoảng 30 phút thì thấy có người soi đèn pin đi đến, do lo sợ bị phát hiện nên T đã điều khiển xe đi lên để báo cho K và N biết. T điều khiển xe được khoảng 200 m thì gặp K đang đi bộ theo hướng ngược lại. K nói với T là đã lấy được tài sản và bảo T đưa xe máy cho K để chở đồ đi bán, T đồng ý. K điều khiển xe máy, T đi bộ theo sau, khi đi được khoảng 30 m, T gặp K và N. Lúc này K và N đi xuống dưới đường để khiêng chiếc đầu máy cày lên đường, N dắt xe máy lại gần chiếc đầu máy cày và ngồi lên vị trí lái xe, T cùng K chuẩn bị nhấc chiếc đầu máy cày lên xe thì bị Hoàng Văn Yên và những người qua đường phát hiện, tri hô. N đã điều khiển xe máy bỏ chạy, T và K chạy xuống bờ suối bỏ trốn về nhà. Khi N điều khiển xe đến xóm Bản Ràn, xã TH thì bị người dân xung quanh đường chặn lại nên N đã bỏ lại xe máy ở gần đường và chạy lên đồi và đi bộ về nhà.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) đầu máy cày, làm bằng sắt, màu đỏ, hai bên có dòng chữ GAOFENG EXPORT, phần thân dưới vỏ máy (bên ống lọc gió) bị vỡ một đường chéo dài 11,5cm, phần ống xả bị vỡ ở đáy ống, có trọng lượng 67 kg, chiều dài 45,5cm, chiều cao 40cm, chiều rộng 29,5cm, đã qua sử dụng.

Bản kết luận định giá tài sản số: 128/KL-HĐĐGTS, ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện BL, kết luận: 01 đầu máy cày có trị giá 536.000 đồng.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ, mang biển kiểm soát 23D1 – xxx đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện BL. Bị hại Sầm Thị B đã nhận lại được 01 đầu máy cày, yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Đối với Đặng Văn N và Đặng Văn K là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, N và K chưa có tiền án, tiền sự, hành vi trộm cắp lần này không cấu thành tội phạm nên ngày 06/02/2024, N và K bị Công an huyện BL đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Đặng Văn H có hành vi cho T mượn tiền, khi mượn tiền T không nói cho H biết mục đích đồng thời việc để xe máy tại nhà H nhằm tạo niềm tin để H đồng ý cho T mượn tiền. Sau khi sự việc xảy ra, T đã trả lại tiền cho H và lấy lại xe máy, hành vi của Đặng Văn H không cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL không truy cứu trách nhiệm hình đối với H. Đối với hành

vi sử dụng tiền của bản thân để mua ma tuý về cùng Đặng Văn N, Đặng Văn K sử dụng của Nguyễn Văn T có dấu hiệu của tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, qua điều tra xác định K là người trực tiếp đi mua ma tuý, việc mua bán chỉ có K và người bán biết. Tuy nhiên, hiện nay K không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã tiến hành tách hành vi trên của Nguyễn Văn T để tiếp tục điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý theo thẩm quyền.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKSBL ngày 22/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật.

Bị hại Sầm Thị B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn bà xác định đã nhận lại được 01 đầu máy cày, bà yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo số tiền của kết luận định giá tài sản là 536.000 đồng.

Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại số tiền 536.000 đồng, không yêu cầu Đặng Văn N, Đặng Văn K phải liên đới thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 536.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Văn Đ vắng mặt, có lời khai trong hồ sơ, thể hiện, ông là bố đẻ của Đặng Văn N, ông không biết N điều khiển xe máy mang biển kiểm soát 23D1 – xxx đi trộm cắp tài sản. Ông đề nghị được trả lại xe cho gia đình.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng vẫn giữ N Quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản; đề nghị áp dụng, điểm a, khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm h, khoản 1, Điều 52; điểm b, s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng tù đến 01 năm tù; Về hình phạt bổ sung, không đề nghị áp dụng;

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại, số tiền 536.000 đồng, bị cáo đã tác động gia đình nộp thay số tiền 536.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, bị cáo đã bồi thường xong.

Về xử lý vậy chứng: Đề nghị trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Văn Đ 01 xe máy, biển kiểm soát 23D1 – xxx.

Về án phí: Tại phiên toà bị cáo nộp đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội

đồng xét xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí với bản luận tội của vị Đại diện Viện kiểm sát.

Lời sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người phiên dịch cho bị hại vắng mặt, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào khoản 1, Điều 292; khoản 1, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ; Tại phiên toà, bị cáo giao nộp đơn xin miễn án phí phù hợp với quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 61 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, Kết luận định giá tài sản, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 22/9/2023, tại đoạn đường thuộc xóm NSNP, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, bị cáo Nguyễn Văn T đã giúp sức, cảnh giới cho Đặng Văn N, Đặng Văn K để trộm cắp một đầu máy cày, làm bằng sắt, màu đỏ, hai bên có dòng chữ GAOFENG EXPORT, phần thân dưới vỏ máy (bên ống lọc gió) bị vỡ một đường chéo dài 11,5cm, phần ống xả bị vỡ ở đáy ống, có trọng lượng 67 kg, chiều dài 45,5cm, chiều cao 40cm, chiều rộng 29,5cm, đã qua sử dụng, có trị giá 536.000 đồng của bà Sầm Thị B, nhưng trước đó, ngày 28/8/2023, bị cáo T đã bị Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số 67/QĐ-XPHC, phạt 2.000.000 đồng, bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt. Tính đến ngày phạm tội lần này, ngày 22/9/2023, bị cáo chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, căn cứ theo Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng trước đó đã bị

xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính là bị cáo T đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo điểm a, khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điểm a, khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;"

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo điểm a, khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì nghĩ nếu trộm cắp tài sản thành công, bán tài sản trộm cắp có tiền, sẽ mua ma tuý, bị cáo sẽ được sử dụng ma tuý nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, cần thiết phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bản án số 89/2021/HSST ngày 28/4/2021 của Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã kết án bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, bị cáo bị xử phạt 15 tháng tù, chưa được xoá án tích; ngày 28/8/2023, bị cáo bị Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, bị cáo chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo nghiện ma tuý; hiện nay bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án hình sự Buôn bán hàng cấm; Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị cáo có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 28/4/2021, bị cáo bị Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, bị xử phạt 15 tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 15/3/2023, tính đến ngày phạm tội lần này, ngày 22/9/2023, chưa đủ thời gian 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù. Vì vậy, lần phạm tội này bị cáo chưa được xoá án tích theo điểm b, khoản 2, Điều 70 của Bộ luật Hình sự, nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" theo điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:* Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên toà bị cáo đã tác động đến gia đình để nộp toàn bộ

số tiền theo yêu cầu của bị hại, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, b, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*, nhưng qua các tài liệu có trong hồ sơ và xét hỏi công khai tại phiên toà, xác định, bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo nghiện ma tuý, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Sầm Thị B vắng mặt, có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản, số tiền 536.000 đồng. Tại phiên toà, bị cáo nhất trí bồi thường toàn bộ số tiền 536.000 đồng cho bị hại. Xét thấy, sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại là phù hợp quy định của pháp luật tại khoản 1, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, Điều 589; khoản 1, Điều 584; khoản 1, Điều 585; khoản 1, Điều 586 của Bộ luật dân sự, cần công nhận. Tại phiên toà, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 536.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL. Bị cáo đã bồi thường xong.

[11] Về xử lý vật chứng:

Ngày 04/02/2024, bị hại Sầm Thị B đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng trả lại cho 01 đầu máy cày là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử không xem xét;

Đối với 01 xe máy biển kiểm soát 23D1 – xxx, xe thuộc sở hữu của ông Đặng Văn Đ là bố đẻ của Đặng Văn N, ông Đạch không biết N đã sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản của người khác, nên đề nghị được trả lại xe của ông Đạch được chấp nhận theo khoản 2, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[12] Các vấn đề khác: Đối với Đặng Văn N và Đặng Văn K là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, N và K chưa có tiền án, tiền sự, hành vi trộm cắp lần này của N và K không cấu thành tội phạm nên bị Công an huyện BL ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản là đúng. Đặng Văn H có hành vi cho T mượn tiền, khi mượn tiền T không nói cho H biết mục đích đồng thời việc để xe máy tại nhà H nhằm tạo niềm tin để H đồng ý cho T mượn tiền. Hành vi của Đặng Văn H không cấu thành tội phạm

nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL không truy cứu trách nhiệm hình đối với H là đúng. Đối với hành vi sử dụng tiền của bản thân để mua ma tuý về cùng Đặng Văn N, Đặng Văn K sử dụng của Nguyễn Văn T có dấu hiệu của tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, tuy nhiên, qua điều tra xác định được K là người trực tiếp đi mua ma tuý, việc mua bán chỉ có K và người bán biết, hiện nay K không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã tiến hành tách hành vi trên của Nguyễn Văn T để tiếp tục điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý theo thẩm quyền, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí hình sự: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải bồi thường cho bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng xét đơn xin miễn án phí của bị cáo giao nộp tại phiên toà, bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ cận nghèo nên bị cáo được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[15] Các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 173; điểm s, b, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam 25/12/2023. Không phạt bổ sung bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, Điều 589; khoản 1, Điều 584; khoản 1, Điều 585; khoản 1, Điều 586 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bà Sầm Thị B (sinh ngày 27/6/1972; nơi cư trú: xóm NSNP, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng) số tiền 536.000 (Năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Xác nhận, bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp số tiền 536.000 (Năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng theo Biên lai thu tiền số 0004031, ngày 29/3/2024, nội dung: Tạm thu tiền bồi thường.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường xong.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm 2, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho ông Đặng Văn Đ (sinh ngày 17/6/1972; nơi cư trú: thôn NN, xã ĐÂ, huyện BM, tỉnh Hà Giang): 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ, không có gương, biển kiểm soát 23D1-xxx, số khung RLHJA3903HY075052, số máy JA39E-0075092. Loại xe hai bánh, dung tích xi lanh 109 cm^3, tình trạng xe đã qua sử dụng, có chìa khoá kèm theo.

5. Về án phí hình sự: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án hình hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hìnhsự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 LuậtThi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim